TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 98/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2017
"V/v Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Giảng

2. Ông Trần Tấn Kiệt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên lương tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc: "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1977; Có mặt.
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1974; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số N, tổ p, khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn **chị Võ Thị Thanh T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị và anh H thường xuyên

cự cãi, khi cự cãi thì anh H đánh chị, có lần đánh chị đến nhập viện, anh H nhiều lần hứa sẽ thay đổi nhưng tính nào tật nấy không thay đổi. Nay chị xét thấy vợ chồng không còn quý trọng nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh Huế có 02 người con chung gồm:

- Nguyễn Thị Tú Anh, sinh ngày 28/7/1999
- Nguyễn Quốc Hào, sinh ngày 01/10/2008.

Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị T thống nhất theo ý kiến của các con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng anh chung sống không có đăng ký kết hôn. Anh thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và có xảy ra xô xác vài lần, trong quá trình giải quyết vụ án anh Huế không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa anh Huế đồng ý ly hôn chị Thủy.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung như chị T trình bày.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh thống nhất theo nguyện vọng của con, theo ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 05/7/2017 cháu Nguyễn Thị Tú Anh và cháu Nguyễn Quốc Hào trình bày có nguyện vọng sống chung với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là tranh chấp "Xin ly hôn" nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. *Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

...

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh H nhiều lần đánh chị T nên chị T xin ly hôn. Do hôn nhân giữa chị T anh H không có đăng ký kết hôn và chị T có yêu cầu xin ly hôn nên Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....."

[3] Về con chung: Có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị Tú Anh, sinh ngày 28/7/1999 và Nguyễn Quốc Hào, sinh ngày 01/10/2008. Theo nguyện vọng của cháu Anh và cháu Hào là muốn sống với chị T, anh H cũng đồng ý thống nhất theo nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Tú Anh và Nguyễn Quốc Hào cho chị Võ Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị T và anh H trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị T yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001575 ngày 23/3/2017 (đã thực hiện xong).

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Không công nhận chị Võ Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tú Anh, sinh ngày 28/7/1999 và Nguyễn Quốc Hào, sinh ngày 01/10/2008 cho chị Võ Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi

trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự khi có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chị T yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001575 ngày 23/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ DIỄM